| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN H**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 304/2025/DS-ST
Ngày: 06/6/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Huy

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

2. Ông Phạm Văn Chính.

***Thư ký phiên toà***: Bà Lê Thị Kim Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa***: Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 970/2024/TLST- DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Dương Thanh Q, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: đường L, Phường M, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:*

2.1. Ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1968 (có mặt);

2.2. Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm: 1970 (có mặt).

Cùng trú tại: ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2024, bản tự khai ngày 26/11/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Dương Thanh Q trình bày:

Ngày 24/9/2023 ông Q có cho ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thanh V mượn số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, lãi suất 2%/tháng, hẹn đến

30/9/2023 sẽ trả lại cho ông. Nếu không thanh toán thì từ ngày 01/10/2023 lãi suất sẽ là 3,5%/tháng. Tuy nhiên, ông Đ và bà V không thực hiện đúng thỏa thuận. Ngày 13/12/2023, ông có gửi thông báo cho ông Đ và bà V để yêu cầu trả lại 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng tiền mượn và 26.000.000 (hai sáu triệu) đồng tiền lãi (lãi suất tạm tính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 13/12/2023) nhưng ông Đ và bà V cũng không trả nợ cho ông.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông Đ và bà V trả cho ông tổng cộng là 432.000.000 (bốn trăm ba mươi hai triệu) đồng, trong đó tiền mượn là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, lãi suất tạm tính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 22/10/2024 là 132.000.000 (một trăm ba mươi hai triệu) đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thanh V đã được Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập và tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến đồng thời vắng mặt tại các phiên họp không có lý do.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thanh V trả cho ông tổng cộng là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, trong đó nợ gốc là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, lãi suất tính từ ngày 24/9/2023 đến ngày 06/6/2025 là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng (tính mức lãi suất là 20/%/năm).

Bị đơn là ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thanh V thừa nhận ngày 24/9/2023 có vay của ông Q 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông, bà đã trả cho ông Q 08 tháng tiền lãi, mỗi tháng 18.000.000 (mười tám triệu) đồng. Nay ông, bà gặp khó khăn nên mong ông Q tạo điều kiện cho trả nợ gốc, xin miễn tiền lãi.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy mượn tiền ngày 24/9/2023, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Nguyên đơn là ông Dương Thanh Q có đơn khởi kiện đối với ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thanh V để yêu cầu trả nợ tiền vay. Ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thanh V cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và quan hệ tranh chấp này phát sinh từ tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[2]. Về pháp luật nội dung được áp dụng:* Ông Dương Thanh Q tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thanh V. Hợp đồng vay tài sản được giao kết ngày 24/9/2023, đây là thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 đang có hiệu lực thi hành. Vì vậy, căn cứ Điều 689 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết nội dung tranh chấp giữa các bên.

*[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:*

*[3.1]*. Xét Hợp đồng vay tiền ngày 24/9/2023 giữa ông Dương Thanh Q với ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thanh V dựa trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp về mặt hình thức theo quy định tại các điều 117, 119 và 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên có hiệu lực pháp lý đối với các bên.

*[3.2]*. Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên xác định thời hạn, có thỏa thuận lãi suất. Căn cứ Điều 463, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa hai bên là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi.

*[3.3]*. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hợp đồng vay tiền đề ngày 24/9/2023. Theo nội dung hợp đồng vay tiền trên thì ông Đ và bà V đề nghị vay của ông Q 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng, lãi suất 2%/tháng nhưng ông Q chỉ đồng ý cho ông Đ và bà V vay 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, thời hạn từ ngày 24/9/2023 đến ngày 30/9/2023 lãi suất 2%/tháng; kể từ ngày 01/10/2023 lãi suất là 3,5%/tháng, hợp đồng có chữ ký của ông Đ và bà V xác nhận đã mượn đủ tiền mặt. Tại phiên tòa, ông Đ và bà V cũng thừa nhận ngày 24/9/2023 có vay của ông Q 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, do đó xác định đây là chứng cứ không cần chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, có đủ căn cứ xác định ngày 24/9/2023 ông Đ và bà V có vay của ông Q số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

*[3.4]*. Theo nội dung hợp đồng vay tiền ký ngày 24/9/2023 thì đến ngày 30/9/2023 ông Đ và bà V có nghĩa vụ trả số nợ vay cho ông Q với lãi suất là 2%/tháng, còn trong trường hợp từ ngày 01/10/2023 thì lãi suất 3,5%/tháng. Tuy nhiên, kể từ thời điểm vay ông Đ, bà V chưa trả cho ông Q bất kỳ số tiền nào.

Ngày 13/12/2023, ông Q có gửi thông báo cho ông Đ và bà V để yêu cầu trả lại 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng tiền cho vay và 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng tiền lãi nhưng ông Đ và bà V không có phản hồi cũng không thanh toán nợ cho ông Q. Như vậy, ông Đ và bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên ông Q khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà V trả nợ vay là có căn cứ chấp nhận.

*[3.5]*. Xét yêu cầu về mức lãi suất và thời gian tính lãi:

*[3.5.1]*. Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay ngày 24/9/2023 - từ ngày 24/9/2023 đến ngày 30/9/2023 là 2%/tháng và từ ngày 01/10/2023 lãi suất là 3,5%/tháng, tương đương với 24%/năm và 42%/năm, mức lãi suất này cao hơn mức lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Q yêu cầu tính mức lãi suất là 20%/năm, mức lãi suất này nằm trong lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

*[3.5.2]*. Tại phiên tòa, ông Đ và bà V cho rằng có trả lãi cho ông Q mỗi tháng 18.000.000 (mười tám triệu) đồng trong 08 tháng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, đồng thời ông Q không thừa nhận việc ông Đ và bà V đã trả lãi vay cho ông, do đó Hội đồng xét xử xét không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của bị đơn.

*[3.5.3]*. Về thời gian tính lãi từ thời điểm ông Đ và bà V vay tiền (ngày 24/9/2023) đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 06/6/2025) là 01 năm 8 tháng 12 ngày. Cụ thể số tiền lãi được tính như sau: 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng x 20%/năm x 01 năm 8 tháng 12 ngày = 102.000.000 (một trăm không hai triệu) đồng. Tại phiên tòa, ông Q chỉ yêu cầu ông Đ và bà V trả lãi là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Xét yêu cầu về mức lãi suất và thời gian tính lãi của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận giữa hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

*[4.5]*. Trên cơ sở phân tích như trên, Hội đồng xét xử xét có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Q, buộc ông Đ và bà V có nghĩa vụ trả cho ông Q tổng số tiền là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

*[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau: 400.000.000 đồng x 5% = 20.000.000 đồng.

Nguyên đơn thuộc trường hợp không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi khởi kiện.

*[6]*. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

*[7]*. *Về kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 117, Điều 119, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ vào các điều 2, 6, 7, 7a, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Dương Thanh Q đối với bị đơn là ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thanh V.

Buộc ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thanh V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Dương Thanh Q tổng số tiền là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng theo hợp đồng vay tiền ký ngày 24/9/2023, trong đó nợ gốc là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, tiền lãi tính từ ngày 24/9/2023 đến ngày 06/6/2025 là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thanh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Dương Thanh Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Dương Thanh Q 10.640.000 (mười triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số BLTU/24P/0047357 ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận :***
- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND huyện H, TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Văn Huy**